TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST Ngày 23/8/2024 *V/v "Tranh chấp Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Ông Nguyễn Văn Bào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thi Kim Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: *Chị Ngô Thị Kim O, sinh năm 1995 (có mặt)*
NĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: *Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1992 (vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị Kim O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn xong thì anh chị về chung sống với nhau ngay và ở cùng với gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 ham chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Đặng Văn T1.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đặng Hải N, sinh ngày 16/9/2013. Hiện nay con chung đang ở với anh T1. Ly hôn, thì chị có nguyện vọng nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Nếu trường hợp cháu N muốn ở với anh T1 thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T1 không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị O có mặt, chị xin được ly hôn anh T1, chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu.

*Bị đơn anh T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị O xin ly hôn thì anh không đồng ý.

-Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Đặng Hải N, sinh ngày 16/9/2013. Hiện nay con chung đang ở với anh. Ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng. Nếu trường hợp cháu N muốn ở với chị oanh thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T1 không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim O được ly hôn anh Đặng Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hải N, sinh ngày 16/9/2013 cho chị Ngô Thị Kim O tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị O không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị O và anh T1 không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004043 ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị O đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 05 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Kim O xin ly hôn anh Đặng Văn T1 có nơi cư trú tại địa bàn huyện H là đúng thẩm quyền quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Đặng Văn T1 vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T1 là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim O và anh Đặng Văn T1 xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H ngày 14/01/2014, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy chị O và anh T1 sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay, hai bên không còn liên lạc với nhau. Bản thân anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh T1. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của chị O và anh T1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Ngô Thị Kim O và anh Đặng Văn T1 có 01 con chung là cháu Đặng Hải N, sinh ngày 16/9/2013. Khi ly hôn thì chị O và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi con chung và theo nguyện vọng của con và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện thời gian, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung và xét theo nguyện vọng của con chung xin được ở với chị O, nên cần giao con chung cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng chị O không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị O và anh T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004043 ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim O được ly hôn anh Đặng Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hải N, sinh ngày 16/9/2013 cho chị Ngô Thị Kim O tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị O không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị O và anh T1 không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004043 ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Đoan Bái;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự